

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: /2026/QH16

Dự thảo

LUẬT
NUÔI CON NUÔI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Nuôi con nuôi.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về mục đích, nguyên tắc, điều kiện, thẩm quyền quyết định việc nuôi con nuôi; yêu cầu đối với việc giải quyết nuôi con nuôi; hỗ trợ giải quyết nuôi con nuôi và sau khi giải quyết nuôi con nuôi; hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi; chấm dứt việc nuôi con nuôi và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước về nuôi con nuôi.

Điều 2. Mục đích nuôi con nuôi

Việc nuôi con nuôi nhằm tạo dựng mối quan hệ cha, mẹ và con giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi; bảo đảm cho con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong môi trường gia đình an toàn, ổn định, bền vững; đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và mối quan hệ xã hội của con nuôi.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nuôi con nuôi* là việc xác lập quan hệ pháp lý cha, mẹ và con giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi thông qua việc giải quyết nuôi con nuôi tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. *Giải quyết nuôi con nuôi* là quy trình pháp lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, bao gồm tiếp nhận hồ sơ; đánh giá và xác nhận điều kiện nuôi con nuôi; ghép trẻ, đánh giá việc ghép trẻ; quyết định việc nuôi con nuôi; đăng ký và tổ chức giao nhận con nuôi; chứng nhận việc nuôi con nuôi

được giải quyết theo đúng quy định pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế về nuôi con nuôi mà Việt Nam là thành viên khi có yêu cầu.

3. *Nuôi con nuôi trong nước* là việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau mà người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi cùng cư trú tại Việt Nam hoặc cùng tạm trú ở nước ngoài.

4. *Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài* là việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam cư trú tại Việt Nam với người nước ngoài hoặc với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, giữa người nước ngoài với nhau mà người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi cùng thường trú tại Việt Nam.

5. *Nuôi con nuôi trong phạm vi gia đình* là việc nuôi con nuôi giữa cha đẻ với con riêng của vợ; giữa mẹ kế với con riêng của chồng; giữa cô, cậu, dì, chú, bác với cháu ruột.

6. *Gia đình gốc* là gia đình của những người có quan hệ huyết thống.

7. *Cha, mẹ nuôi* là người nhận con nuôi sau khi quyết định nuôi con nuôi có hiệu lực thi hành.

8. *Con nuôi* là người được nhận làm con nuôi sau khi quyết định nuôi con nuôi có hiệu lực thi hành.

9. *Ghép trẻ* là việc cơ quan có thẩm quyền lựa chọn người nhận con nuôi phù hợp đối với một trẻ em cụ thể, dựa trên việc đánh giá toàn diện giữa điều kiện, khả năng nuôi dưỡng của người nhận con nuôi với đặc điểm, hoàn cảnh của trẻ em.

10. *Quyết định nuôi con nuôi* là văn bản pháp lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp khi giải quyết nuôi con nuôi, gồm quyết định nuôi con nuôi trong nước và quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

11. *Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài* (sau đây gọi là cơ quan đại diện) tham gia giải quyết nuôi con nuôi gồm cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

12. *Cơ sở trợ giúp xã hội* gồm cơ sở công lập, cơ sở ngoài công lập được thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật; thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

13. *Tổ chức con nuôi nước ngoài* là tổ chức hỗ trợ việc giải quyết nuôi con nuôi, được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phép theo các tiêu chuẩn, điều kiện của pháp luật nước ngoài và của Công ước La Hay 1993 về Bảo vệ trẻ em và Hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế.

14. *Người làm công tác xã hội trong hoạt động nuôi con nuôi* (sau đây gọi chung là người làm công tác xã hội) bao gồm công chức, viên chức, người lao động làm công tác xã hội; người làm công tác bảo vệ trẻ em, công tác văn hóa xã hội cấp xã; người làm công tác xã hội khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi

1. Việc giải quyết nuôi con nuôi được thực hiện vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.
2. Ưu tiên trẻ em được sống trong môi trường gia đình gốc. Việc giải quyết nuôi con nuôi chỉ được thực hiện khi trẻ em không được hoặc không thể sống cùng gia đình gốc.
3. Bảo đảm tự nguyện, bình đẳng, không phân biệt về giới hoặc hoàn cảnh xuất thân, không trái pháp luật và đạo đức xã hội.
4. Việc giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài được thực hiện khi không thể giải quyết nuôi con nuôi trong nước.

Điều 5. Các hành vi bị cấm

1. Lợi dụng việc nuôi con nuôi để trục lợi; bóc lột sức lao động; xâm hại tình dục; ngược đãi, hành hạ con nuôi; mua, bán trẻ em hoặc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác.
2. Lợi dụng việc nuôi con nuôi để trốn tránh việc thực hiện trách nhiệm pháp lý; vi phạm pháp luật, đạo đức, phong tục tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.
3. Giả mạo, sửa chữa trái pháp luật, làm sai lệch nội dung giấy tờ để giải quyết việc nuôi con nuôi.
4. Sử dụng mạng viễn thông, mạng xã hội hoặc các nền tảng điện tử khác để môi giới, quảng cáo, tìm kiếm, kết nối việc cho, nhận con nuôi trái pháp luật.
5. Anh, chị, em nhận nhau làm con nuôi; ông bà nội, ông bà ngoại, anh, chị, em ruột của ông bà nội, ông bà ngoại nhận cháu làm con nuôi.

Điều 6. Bảo hộ quyền được nhận làm con nuôi và quyền nhận con nuôi

Nhà nước bảo hộ quyền được nhận làm con nuôi và quyền nhận con nuôi theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Bảo đảm quyền biết về nguồn gốc

1. Con nuôi có quyền biết về nguồn gốc của mình. Không ai được cản trở con nuôi thực hiện quyền này.
2. Việc cung cấp thông tin về nguồn gốc của con nuôi phải bảo đảm phù hợp với các quy định tại Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho con nuôi là người Việt Nam ở nước ngoài về thăm quê hương, đất nước.

Điều 8. Cơ quan trung ương về nuôi con nuôi của Việt Nam

Bộ Tư pháp là Cơ quan trung ương về nuôi con nuôi của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Công ước La Hay 1993 về Bảo vệ trẻ em và Hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan trung ương về nuôi con nuôi theo quy định của Công ước La Hay 1993 về Bảo vệ trẻ em và Hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế trong lĩnh vực nuôi con nuôi mà Việt Nam là thành viên.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước về nuôi con nuôi

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về nuôi con nuôi trong phạm vi toàn quốc.

2. Bộ Tư pháp là cơ quan đầu mối, giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về nuôi con nuôi.

3. Bộ Y tế chỉ đạo, hướng dẫn công tác đánh giá và chuẩn bị các điều kiện cho trẻ em đang được nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội để giải quyết cho làm con nuôi theo quy định của pháp luật; phối hợp với Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện công tác xã hội trong giải quyết việc nuôi con nuôi.

4. Bộ Công an chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm trong lĩnh vực con nuôi.

5. Bộ Ngoại giao chỉ đạo cơ quan đại diện thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi ở nước ngoài; hướng dẫn cơ quan đại diện giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định của Luật này.

6. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm quản lý nhà nước về nuôi con nuôi tại địa phương.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ sở trợ giúp xã hội trong giải quyết nuôi con nuôi

Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm thực hiện chuyển đổi hình thức chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội sang nuôi con nuôi đối với trẻ em cần được nhận làm con nuôi để bảo đảm trẻ em được sống trong môi trường gia đình, không để trẻ em sống tập trung lâu dài, ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của trẻ em.

Điều 11. Lệ phí và khoản đóng góp

1. Người nhận con nuôi phải nộp lệ phí đăng ký nuôi con nuôi.

2. Tổ chức con nuôi nước ngoài phải nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức nuôi con nuôi nước ngoài.

3. Ngoài lệ phí đăng ký nuôi con nuôi quy định tại khoản 1 Điều này, người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam sống tại cơ sở trợ giúp xã hội làm con nuôi phải nộp một khoản tiền để bù đắp một phần chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ khi ghép trẻ đến khi hoàn thành thủ tục giao nhận con nuôi và thù lao hợp lý cho nhân viên của cơ sở trợ giúp xã hội.

4. Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài không được đặt thêm bất kỳ khoản thu nào khác với quy định tại Điều này.

Chương II

GIẢI QUYẾT VIỆC NUÔI CON NUÔI

Mục 1

ĐIỀU KIỆN NUÔI CON NUÔI

Điều 12. Điều kiện của người được nhận làm con nuôi

1. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.
2. Người dưới 18 tuổi thuộc trường hợp nuôi con nuôi trong phạm vi gia đình.

Điều 13. Điều kiện của người nhận con nuôi

1. Người nhận con nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây:
 - a) Là người độc thân hoặc là cặp vợ chồng được công nhận theo quy định của pháp luật Việt Nam;
 - b) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - c) Hơn người được nhận làm con nuôi ít nhất 20 tuổi;
 - d) Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;
 - đ) Có tư cách đạo đức tốt.
2. Những người sau đây không được nhận con nuôi:
 - a) Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
 - b) Đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
 - c) Đang chấp hành hình phạt tù;

d) Bị kết án phạt tù nhưng được hưởng án treo;

đ) Đã từng bị kết án về một trong các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; tội loạn luân; tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình; tội dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp; các tội phạm về ma túy.

3. Trường hợp nuôi con nuôi trong phạm vi gia đình thì không áp dụng quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

4. Người nhận con nuôi là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật nước nơi người đó thường trú hoặc định cư và quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 14. Điều kiện ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

Việc nuôi con nuôi giữa người Việt Nam với nhau đang định cư ở nước ngoài hoặc giữa người Việt Nam định cư ở nước ngoài với người nước ngoài đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài được ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi nếu thuộc các trường hợp sau:

1. Việc nuôi con nuôi đã được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước nơi giải quyết việc nuôi con nuôi cùng là thành viên;

2. Việc nuôi con nuôi đã được giải quyết theo quy định pháp luật của nước ngoài nếu tại thời điểm giải quyết việc nuôi con nuôi các bên đáp ứng đủ điều kiện và không vi phạm điều cấm theo quy định của Luật này.

Mục 2

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC NUÔI CON NUÔI, YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC GIẢI QUYẾT NUÔI CON NUÔI

Điều 15. Thẩm quyền quyết định việc nuôi con nuôi

1. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc nuôi con nuôi trong nước, việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

3. Cơ quan đại diện quyết định việc nuôi con nuôi của công dân Việt Nam với nhau đang tạm trú ở nước ngoài.

Điều 16. Thứ tự ưu tiên lựa chọn người nhận con nuôi

1. Thứ tự ưu tiên lựa chọn người nhận con nuôi được thực hiện theo quy định sau đây:

- a) Cha dượng, mẹ kế của người được nhận làm con nuôi;
- b) Cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi;
- c) Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước;
- d) Người nước ngoài thường trú ở Việt Nam;
- đ) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài;
- e) Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài.

2. Trường hợp có nhiều người cùng hàng ưu tiên xin nhận một người làm con nuôi thì xem xét, giải quyết cho người có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con nuôi phù hợp với đặc điểm, hoàn cảnh của người được nhận làm con nuôi.

Điều 17. Đăng ký lại việc nuôi con nuôi

Việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền Việt Nam nhưng cả sổ đăng ký nuôi con nuôi, quyết định nuôi con nuôi bị mất và không có thông tin trong dữ liệu về nuôi con nuôi thì được đăng ký lại nếu cả cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống tại thời điểm yêu cầu đăng ký lại.

Điều 18. Hợp pháp hóa lãnh sự, dịch ra tiếng Việt đối với giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận

1. Giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.

Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng tại khu vực biên giới cấp, công chứng hoặc xác nhận được miễn hợp pháp hóa lãnh sự khi sử dụng để giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới.

2. Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài được sử dụng tại Việt Nam phải được dịch ra tiếng Việt. Bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ giấy tờ được sử dụng cho việc giải quyết nuôi con nuôi ở khu vực biên giới.

Điều 19. Yêu cầu đối với việc ghép trẻ

1. Việc ghép trẻ được thực hiện đối với nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi nước ngoài, trừ trường hợp nuôi con nuôi trong phạm vi gia đình.

2. Trẻ em được ghép cho người nhận con nuôi phải bảo đảm đủ điều kiện theo quy định của Luật này. Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi thì phải được cơ quan công an xác minh trước khi ghép trẻ.

3. Việc ghép trẻ được thực hiện sau khi xem xét, đánh giá toàn diện sự phù hợp giữa điều kiện kinh tế, gia đình, xã hội, khả năng nuôi dưỡng và nguyện vọng của người nhận con nuôi với đặc điểm, hoàn cảnh của trẻ em được nhận làm con nuôi.

4. Việc ghép trẻ cho làm con nuôi nước ngoài được thực hiện đối với trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi với Việt Nam trên cơ sở văn kiện hợp tác song phương.

Điều 20. Yêu cầu đối với sự đồng ý cho làm con nuôi

1. Việc giải quyết nuôi con nuôi phải có sự đồng ý của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của người được nhận làm con nuôi. Trường hợp người được nhận làm con nuôi từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải có cả sự đồng ý của người đó.

Những người được lấy ý kiến có quyền thay đổi ý kiến cho đến thời điểm tổ chức giao nhận con nuôi.

2. Trường hợp người được nhận làm con nuôi sống tại cơ sở trợ giúp xã hội thì đại diện cơ sở trợ giúp xã hội thể hiện ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi.

3. Sự đồng ý phải hoàn toàn tự nguyện; trung thực; không bị ép buộc, đe dọa hay mua chuộc; không vụ lợi, không kèm theo yêu cầu trả tiền hoặc lợi ích vật chất khác.

4. Cha, mẹ đẻ chỉ được đồng ý cho con làm con nuôi sau khi con đã được sinh ra ít nhất 15 ngày.

Điều 21. Theo dõi tình hình phát triển của con nuôi

1. Sáu tháng một lần trong thời hạn ba năm kể từ ngày giao nhận con nuôi, cha, mẹ nuôi có trách nhiệm báo cáo tình hình phát triển của con nuôi cho Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp cha, mẹ nuôi và con nuôi cư trú trong nước; báo cáo cho cơ quan đại diện đối với trường hợp cha, mẹ nuôi và con nuôi tạm trú ở nước ngoài; báo cáo cho Bộ Tư pháp và cơ quan đại diện đối với trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

2. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, theo dõi, đánh giá tình hình phát triển của con nuôi là công dân Việt Nam cư trú trong nước; cơ quan đại diện có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đánh giá tình hình phát triển của con nuôi là công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài;

Bộ Tư pháp và cơ quan đại diện có trách nhiệm theo dõi tình hình phát triển của con nuôi là người Việt Nam ở nước ngoài.

3. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu cơ sở giáo dục phối hợp với người làm công tác xã hội hỗ trợ con nuôi hòa nhập với môi trường giáo dục mới. Việc cung cấp, chia sẻ thông tin trong quá trình hỗ trợ con nuôi hòa nhập phải phù hợp với quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật đời sống riêng tư và không làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của con nuôi.

4. Trong trường hợp có thông tin đột xuất về tình hình phát triển của con nuôi là người Việt Nam ở nước ngoài, cha, mẹ nuôi có trách nhiệm phối hợp và cung cấp thông tin thông qua tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam hoặc Cơ quan trung ương về nuôi con nuôi của nước ngoài theo yêu cầu của Bộ Tư pháp.

Điều 22. Hủy bỏ, thu hồi quyết định nuôi con nuôi

1. Việc hủy bỏ quyết định nuôi con nuôi được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên, cha, mẹ đề thay đổi ý kiến đồng ý về việc giải quyết nuôi con nuôi trước thời điểm giao nhận con nuôi; việc giao nhận con nuôi không thể thực hiện vì lý do bất khả kháng hoặc cha, mẹ đề không thực hiện bàn giao trẻ em cho cha, mẹ nuôi.

b) Tại thời điểm giao nhận con nuôi, người nhận con nuôi bị kết án phạt tù; bị khởi tố hoặc bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự; bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Việc thu hồi quyết định nuôi con nuôi được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Việc giải quyết nuôi con nuôi không được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm giải quyết việc nuôi con nuôi, trừ trường hợp việc thu hồi quyết định nuôi con nuôi ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển bình thường của con nuôi;

b) Vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 5 của Luật này;

3. Quyết định nuôi con nuôi bị hủy bỏ, thu hồi theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không có hiệu lực từ thời điểm được ban hành. Quyền và nghĩa vụ giữa trẻ em và cha, mẹ đẻ được khôi phục trong trường hợp đã diễn ra việc giao nhận con nuôi.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền hủy bỏ, thu hồi quyết định nuôi con nuôi theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Mục 3

HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT NUÔI CON NUÔI VÀ SAU KHI GIẢI QUYẾT NUÔI CON NUÔI

Điều 23. Tiêu chuẩn, trách nhiệm của người làm công tác xã hội

1. Người làm công tác xã hội tham gia hỗ trợ giải quyết nuôi con nuôi và sau khi giải quyết nuôi con nuôi phải có các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Có hiểu biết pháp luật về nuôi con nuôi và các hình thức chăm sóc thay thế đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;
- b) Đã được đào tạo hoặc bồi dưỡng về chuyên ngành công tác xã hội, xã hội học, tâm lý học;
- c) Có kỹ năng giao tiếp với trẻ em.

2. Người làm công tác xã hội có trách nhiệm tham gia hỗ trợ giải quyết nuôi con nuôi và sau khi giải quyết nuôi con nuôi thông qua hoạt động tư vấn tâm lý - xã hội, đánh giá hoàn cảnh của người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi; tham gia ý kiến trong quá trình ghép trẻ; theo dõi, đánh giá tình hình hòa nhập của con nuôi với gia đình, cộng đồng; hỗ trợ tư vấn tâm lý cho gia đình gốc và con nuôi khi tìm về nguồn gốc.

3. Người làm công tác xã hội hỗ trợ thực hiện các nội dung được quy định tại khoản 2 Điều này khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền quyết định việc nuôi con nuôi.

Điều 24. Tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam

1. Tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Được thành lập và hoạt động hợp pháp, phi lợi nhuận trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế tại nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi với Việt Nam;
- b) Có địa chỉ liên hệ tại Việt Nam;
- c) Người đại diện của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam có tư cách đạo đức tốt, hiểu biết về văn hóa, xã hội Việt Nam và pháp luật về nuôi con nuôi.

2. Tổ chức con nuôi nước ngoài được gia hạn, sửa đổi hoặc bị thu hồi giấy phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam:

a) Hỗ trợ người nhận con nuôi thực hiện các thủ tục giải quyết nuôi con ở Việt Nam;

b) Hỗ trợ tìm người nhận con nuôi có điều kiện phù hợp với việc chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo;

c) Hỗ trợ người nhận con nuôi trong thời gian ở Việt Nam để hoàn tất thủ tục nhận con nuôi, chịu trách nhiệm về việc cung cấp cho người nhận con nuôi các dịch vụ phù hợp;

d) Hỗ trợ cha, mẹ nuôi trong quá trình con nuôi hoà nhập với gia đình;

đ) Đôn đốc cha, mẹ nuôi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi là người Việt Nam ở nước ngoài;

e) Hỗ trợ cha, mẹ nuôi, con nuôi là người Việt Nam ở nước ngoài tìm hiểu thông tin về nguồn gốc; về thăm quê hương, đất nước.

Chương III

HỆ QUẢ PHÁP LÝ CỦA VIỆC NUÔI CON NUÔI, CHẤM DỨT VIỆC NUÔI CON NUÔI

Điều 25. Hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi

1. Kể từ ngày giao nhận con nuôi, giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ và con; giữa con nuôi và các thành viên khác trong gia đình cha, mẹ nuôi cũng có các quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Trẻ em là người nước ngoài được công dân Việt Nam cư trú trong nước nhận làm con nuôi có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ và con như trẻ em Việt Nam được nhận làm con nuôi trong nước.

2. Kể từ ngày giao nhận con nuôi, cha, mẹ đẻ không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng của con đã được giải quyết cho làm con nuôi. Con đã được cho làm con nuôi không còn nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cha, mẹ đẻ.

Trường hợp người được cha dượng hoặc mẹ kế nhận làm con nuôi thì không áp dụng quy định tại khoản này đối với mẹ đẻ hoặc cha đẻ sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con cùng với cha dượng hoặc mẹ kế.

3. Đối với nuôi con nuôi trong nước:

a) Việc thay đổi họ, chữ đệm, tên của con nuôi; thay đổi thông tin về cha, mẹ, dân tộc, quê quán trong nội dung khai sinh của con nuôi được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật hộ tịch;

b) Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi đã được giải quyết cho làm con nuôi sau đó xác định được cha, mẹ đẻ và cha, mẹ đẻ đề nghị thay đổi phần thông tin về cha, mẹ trong Giấy khai sinh của con nuôi khi quan hệ nuôi con nuôi đang tồn tại thì không được xem xét, giải quyết.

Thông tin về cha, mẹ đẻ được cập nhật trong hồ sơ của con nuôi và được cung cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Chấm dứt việc nuôi con nuôi

1. Căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi:

a) Con nuôi đã thành niên và cha, mẹ nuôi tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi;

b) Con nuôi là người chưa thành niên mà cả cha và mẹ nuôi chết, mất năng lực hành vi dân sự, mắc bệnh hiểm nghèo, phải chấp hành hình phạt tù;

c) Con nuôi bị kết án về một trong các hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của cha, mẹ nuôi; ngược đãi, hành hạ cha, mẹ nuôi hoặc con nuôi có hành vi phá tán tài sản của cha, mẹ nuôi;

d) Cha, mẹ nuôi bị kết án về một trong các hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con nuôi.

2. Các tổ chức, cá nhân sau đây có quyền yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi:

a) Cha, mẹ nuôi;

b) Con nuôi đã thành niên;

c) Cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ trước đây của con nuôi;

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em.

Điều 27. Thẩm quyền giải quyết yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi

Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi theo quy định của Luật này và pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 28. Hệ quả của chấm dứt việc nuôi con nuôi

1. Quyết định nuôi con nuôi không còn hiệu lực thi hành kể từ ngày quyết định chấm dứt việc nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Quyền, nghĩa vụ giữa cha, mẹ nuôi, các thành viên khác của gia đình cha, mẹ nuôi và con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định chấm dứt việc nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Trường hợp con nuôi là người chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động thì Tòa án đánh giá, xác định phương án chăm sóc phù hợp để quyết định giao cho cha, mẹ đẻ hoặc tổ chức, cá nhân khác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì lợi ích tốt nhất của người đó.

3. Trường hợp con nuôi được giao cho cha, mẹ đẻ thì các quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ đẻ và các thành viên khác của gia đình với người được nhận làm con nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Luật này được khôi phục kể từ ngày quyết định chấm dứt việc nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

4. Trường hợp con nuôi có tài sản riêng thì được nhận lại tài sản đó; nếu con nuôi có công lao đóng góp vào khối tài sản chung của cha, mẹ nuôi thì được hưởng phần tài sản tương xứng với công lao đóng góp theo thỏa thuận với cha, mẹ nuôi; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Con nuôi có quyền lấy lại họ, chữ đệm, tên, thay đổi thông tin về cha, mẹ, dân tộc, quê quán như trước khi được cho làm con nuôi theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật hộ tịch.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.
2. Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12 hết hiệu lực từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.
3. Chính phủ quy định chi tiết thi hành khoản 4 Điều 4, Điều 7, các điều từ Điều 9 đến Điều 13, Điều 15, khoản 2 Điều 16, Điều 17, khoản 2 Điều 18, các điều từ Điều 19 đến Điều 21, Điều 23, Điều 24.

Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hồ sơ giải quyết nuôi con nuôi; hồ sơ cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động tại Việt Nam của tổ chức con nuôi nước ngoài được tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi tại thời điểm tiếp nhận.
2. Quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi, giữa con nuôi và các thành viên khác trong gia đình cha, mẹ nuôi đã được xác lập theo quy định

pháp luật trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành tiếp tục được công nhận và bảo vệ.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày tháng 10 năm 2026./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn